

THANH Y CỨ SỸ CAO MINH BẠCH

HÒA HÌNH LÂU ĐỜI

TAM QUÁI TRẠCH

cổ học tinh hoa

Tài liệu này chỉ là tài liệu lưu hành
nội bộ đồng tộc, không phải tài liệu
chính thống vì vậy chỉ dành riêng
những người Tam thanh hâm thích nó.

Trong

in

Cho

Cao Minh

caotulinh
Xuân 2007

HÀ NỘI 2007

TAM QUÁI TRẠCH

Cự sỹ Cao Minh Bạch

"Tam quái huyền vi bất khẩu thụ.

Tiền Sư lưu thế dãy tâm truyền,

Hữu nhân thức đặc tam quái quyết,

Chiêu thị phàm phu mộ thi tiên".

"Phép Tam quái huyền vi không thể dùng lời lẽ mà truyền đạt, người xưa để lại cho hậu thế chỉ thông qua tâm truyền, người nào thấu hiểu được phép tam quái, thì sớm là kẻ trấn túc, tối đã thành bậc thần tiên rồi".

Tam quái trạch kinh là phần cơ bản nhất của quần sách này. Đây là một trong những kiến thức bí truyền nhất của khoa phong thuỷ địa lý về dương trạch. Xưa kia nó không được trình bày trong sách vở mà ngay cả khẩu truyền cũng không được trình bày. Những tri thức này chỉ có thể thứ nhất được bằng tâm truyền và chỉ được lưu truyền trong dòng họ hoặc hân hữu được truyền lại cho một số người có duyên với nó. Tôi có may mắn được Cao Minh Bạch Tiên sinh truyền cho và đã nhiều năm nghiên cứu nó nhưng cũng còn có nhiều phần không hiểu hết. Theo phương châm Quý vật tìm Quý nhân và tri thức là của nhận loại nên nay đem toàn bộ trước tác này viết cả ra đây, biết rằng có thể có nhiều người đọc nó mà vị tất đã hiểu hết về nó nhưng biết đâu đây, trong số những người đọc lại chẳng có được người hữu duyên mà thấu triệt được sự huyền vi cơ mật rồi

đem những tri thức quý báu kia mà tạo phúc cho đời. Như thế thì người viết quấn sách nhỏ này đã thấy toại nguyện lắm vậy.

Các bậc thánh nhân xưa dùng tam quái pháp trừu hào hoán tượng mà quán thông cả trời đất.

Tam quái pháp là phép lấy quẻ dịch cho dương cơ bao gồm 2 cách:

- Cách lấy tam quái theo số tiên thiên
- Cách lấy tam quái theo số hậu thiên.

Cả 2 phép đều hết sức thâm sâu ảo diệu. Người nghiên cứu địa lý dương trạch muốn đạt đến tầm cao của môn học này cần phải tìm hiểu về nó.

Tam quái trạch bao gồm:

- + Thiên quái
- + Địa quái
- + Nhân quái

Tam quái pháp được trình bày trong cuốn cổ khoá này là phép lấy quẻ dịch theo số hậu thiên (phép lấy quẻ theo số tiên thiên sẽ được trình bày trong một quyển khác).

Nguyên tắc: “Thiên son, địa hướng, nhân niên vận!”.

Tam quái quyết

“Địa trạch tòng lai hưu long đầu,

Ốc cơ hoàn hưu nhất càn khôn,

Thượng hạ phân minh trùng thiên quái,

Đứ lai tứ lục động trạch môn,

Đi nhập cửu tam nhau địa quái,

Đứ lai tứ lục địa nhân tồn,

Tý niên tuế quái tòng động khởi,

Cát hung hoạ phúc bất nghi môn.”

Đây là 8 câu ca quyết hết sức đơn giản rõ ràng nhưng cũng hết sức ảo diệu, đã cô đọng được toàn bộ phép lập tam quái trạch, người học muốn dùng được Tam quái pháp phải thuộc lòng. Tuy nhiên muốn thông qua Tam quái ca quyết để lập được quẻ Tam quái trạch thì trước hết phải đi vào tìm hiểu một số vấn đề trong mục tiền cứu dưới đây:

TIỀN CỨU

Để lấy được Tam quái trạch trước tiên cần phải tìm hiểu 1 số vấn đề sau:

1/ PHÉP ĐỊNH QUÁI CỤC: (LẤY LONG ĐẦU CỤC)

Là chọn chỗ chủ khách tương phoi, kiến phá giao tranh, rồi lấy chính cung hoặc đối cung mà làm bản quái cục. (xem phần định quái cục trang ...).

Trường hợp 4 phía đều là Thuỷ hay đường xá bao bọc thì lấy bảng quái cục là Ngũ hoàng nhập trung cung, thuận phi ra 8 hướng. Nhưng vì Ngũ hoàng không thuộc quái danh nào nên phải xét theo hướng nhà (Hướng thủ).

- Dương hướng: Lấy Cấn
- Âm hướng: Lấy Khôn

Hướng nhà: Càn Khảm cấn chấn vi dương. Tốn Ly Khôn Đoài vi âm.

2/ PHÉP XÁC ĐỊNH PHƯƠNG TIẾP KHÍ: (TIẾP KHÍ CUNG).

Tiếp Khí cung bao gồm:

- Tiếp Thiên khí cung
- Tiếp Địa khí cung
- Tiếp Nhân khí cung

Tiếp khí cung không phải là Long nhập thủ mà là cung (Phương) của khí mạch, hay nhập thủ khí của Long nhập thủ rót vào huyệt. Xem hình vẽ sau:

Nói cách khác Tiếp khí cung là phương thụ khí của bản cục và dẫn nhập khí vào nhà (huyệt vị). Phương tiếp khí phụ thuộc vào mối quan hệ tương hỗ giữa hình thể của ngôi nhà, luồng khí vận hành vào ra, địa thế bên ngoài nhà và bản quái cục đã được xác định. Đối với Địa quái thì phương tiếp khí còn là sự lưu động và tập trung của luồng nội khí được hình thành do sự bố trí kiến trúc bên

trong ngôi nhà (các tiết minh và bất tiết minh). Phương tiếp khí cũng là các điểm nút giao thoa của khí, là sự tiếp nhận luồng khí đi từ bản quái cục (hay đi từ địa cục) vào ngôi nhà. Vì vậy phương tiếp khí có thể là phương của cửa, của cổng ngõ cũng có thể là một góc (cung chủ) hấp thụ thiên khí của ngôi nhà. Như vậy phương tiếp khí không phải là đại môn hay ngoại môn của nhà mà nó chỉ là phương chủ yếu hấp thụ khí trực tiếp từ bản quái cục rót vào nhà. Đối với địa quái thì phương tiếp khí (Tiếp khí cung) có thể là phòng chúa hay đầu nút giao thông khí vận hành trong ngôi nhà được xác định theo cửu cung nội trạch. Phương tiếp khí của Thiên quái còn gọi là “Tiếp thiên cung”. Phương tiếp khí của Địa quái còn gọi là “Tiếp địa cung” và phương tiếp khí của Nhân quái còn gọi là “Tiếp nhân cung”.

Tiếp Thiên cung thường cố định không thay đổi. Tiếp Thiên cung chỉ thay đổi trong những trường hợp điều kiện môi trường bên ngoài nhà có sự thay đổi lớn, bởi vì Tiếp Thiên cung chỉ phụ thuộc vào mối tương quan giữa Long (cục), Huyệt vị, và Long nhập thủ. Còn Tiếp Địa khí thì phụ thuộc vào từng đại vận, mỗi đại vận 20 năm Tiếp Địa cung lại soay chuyển, thay đổi. Địa cục do cấu trúc bên trong ngôi nhà và mối quan hệ tương hố với điều kiện địa hình bên ngoài tạo ra. Nói cụ thể hơn thì đó là nơi tập trung hoạt động nhiều nhất, nơi sinh hoạt cơ bản của ngôi nhà. Đối với một nhà này nó có thể là phòng khách, đối với một nhà khác nó có thể là phòng ăn, lại cũng có thể là phòng ngủ lớn, hay đầu nút giao thoa của các cửa thông phòng. Vì vậy Địa cục cũng cố định tương đối như Thiên cục, và giống nhau cho tất cả các đại vận nếu không có sự biến động cơ bản cấu trúc bên trong ngôi nhà. Tuy nhiên do Long nhập thủ của mỗi đại vận lại thay đổi (vì phù đầu tinh của mỗi đại vận thay đổi) nên Tiếp khí cung của các đại vận cũng có sự thay đổi theo từng đại vận.

Tiếp nhân khí thay đổi theo từng năm tiểu vận. Tiếp nhân khí thực chất là khí của Địa cục soay vẫn trong huyệt, mỗi năm vận hành ra một cung của cửu cung huyệt vị.

Để xác định được các cung tiếp khí này là một việc làm không đơn giản, đòi hỏi phải quan sát kỹ càng địa thế bên ngoài cũng như bên trong của ngôi nhà, sau đó dụng phép “Vọng khí” mà tìm. Tức là đứng tại cung Long nhập thủ,

mắt câu liêm, tịnh tâm, vận khí dùng tâm thức khai mở Tam nhãnh mà quan sát toàn bộ ngôi nhà tìm khu vực tụ khí. Cung nào khí tụ thì chính là cung tiếp khí của ngôi nhà. Khí của Thiên khí tại Tiếp Thiên cung thường nằm ngang có sắc trắng trong, thành luồng tựa như khí thoát ra từ một ống thổi. Khí của Địa khí tại Tiếp Địa cung thường nằm dọc, dạng cột khí, như là được dùn từ dưới lòng đất dùn lên. Nhiều khi nó là cả một vệt khí, trong những trường hợp như thế cần phải quan sát kỹ để xác định được gốc của nó mà định cung Tiếp Địa khí. Khí của Nhân khí lại càng vô cùng khó xác định, nó thường nằm tản mát không thành tập khói và hình dạng cụ thể, đa phần chỉ nhìn thấy như một khoảng sáng khí trong nhà. Khí của Nhân khí thường người ta cảm thấy được nhiều hơn là nhìn thấy. Trong đời sống không mấy người luyện được phép Vọng khí, nhưng khi chúng ta bước vào một ngôi nhà thì có đến 60% cảm nhận được nhà đó vượng khí hay không vượng khí, nhà đó khí thông thoáng hay tuỳ túng. Thật ra thì đó chính là giai đoạn đầu của người luyện phép Vọng khí. Người luyện Vọng khí pháp cũng có người trình độ thấp, trình độ cao. Người trình độ chưa cao thì khi xác định Nhân khí phải kết hợp giữa nhìn và cảm nhận, người ở trình độ cao nhìn thấy được khí rõ ràng không cần phải cảm nhận, thậm chí thấy được cả sắc khí màu gì.

Phép tìm nhân khí rất khó, tuy nhiên nó lại thường vận hành theo quy luật nhất định để bù lại cho những người trình độ Vọng khí không cao có thể kiểm tra xem xét mà đưa ra được kết luận chính xác.

(Công thức này đã được tôi – Cao Từ Linh thử nghiệm và kiểm định trong nhiều năm, qua thống kê thấy tỷ lệ tương đồng với Phép vọng khí khá cao, đạt độ chính xác từ 70% - 80%).

Phu lục Phép xác định phương tiếp khí: (tiếp khí cung).

(Một Kỹ thuật lấy phương tiếp khí)

Đặt Huyệt vị vào trung cung rồi chạy theo hệ của Long nhập thủ và thuận nghịch âm dương theo hệ của phương trình hành long, điểm huyệt. Lấy sao ra cung Long nhập thủ làm phương tiếp khí.

Ví dụ: (Thiên quái)

Huyệt vị ra Ly.9, Long nhập thủ ra Đoài.7, Phương trình 1, 2 chạy theo hệ Khôn dương độn Lấy Huyệt vị Ly 9 nhập Trung cung chạy theo hệ Đoài dương độn của Long nhập thủ, dương độn theo hệ dương độn của hệ Khôn.

3	5	1
7	9	<u>2</u>
8	4	6

(Hệ Đoài dương độn)

(Lấy 2 - Cửa Tử ra Đoài làm Tiếp khí cung.)

Ví dụ: (Địa quái) Huyệt vị ra Trung cung, Khôn.5, Long nhập thủ ra Tốn.4, Phương trình 1,2 chạy theo hệ Càn âm độn. Lấy Huyệt vị 5 nhập Trung cung chạy theo hệ Tốn của Long nhập thủ, âm độn theo hệ âm độn của Càn.

2	7	6
9	5	1
4	3	8

(Hệ Tốn âm độn)

(Lấy Khôn 2 – Cửa Tử ra cung Khôn làm Tiếp khí cung)

Ví dụ: (Địa quái) Niên tinh năm Kỷ mão 1999 ra Nhất bạch.1, Huyệt vị ra Khảm.1, Lòng nhập thủ ra Khôn.2; Phương trình 1,2 chạy theo hệ Tốn âm độn. Lấy Huyệt vị Khảm.1 nhập Trung cung chạy theo quỹ đạo của hệ Khôn âm độn của Long nhập thủ, âm độn theo hệ âm độn của hệ Tốn. (Lấy Đoài.7, ra cung Khôn, Phối tiếp với Niên mệnh tinh Khảm.1, ra Ly.9 – Cửa cảnh làm Tiếp khí cung)

9	5	7
8	1	3↑
4	6	2

(Hệ Khôn âm độn)

Ghi chú: Riêng đối với Tiếp nhân khí trong một số trường hợp có thể lấy đổi cung.

3/ LẤY BỎ TIẾT PHÙ ĐẦU: (THẬT THẬP NHỊ CUNG SƠN CỤC KỲ MÔN)

♦ Thất thập nhị cục kỳ môn:

Theo định lý lập cục, thì mỗi Quẻ luân quẩn 3 tiết - khí, như thế tám quẻ quẩn vừa đủ 24 tiết – khí. Cụ thể Quẻ Khảm (1) quẩn 3 tiết khí : Đông chí, Tiểu hàn, Đại hàn. Quẻ Cấn (8) quẩn 3 tiết khí : Lập xuân, Vũ thuỷ, Kinh chạp. Quẻ Chấn (3) quẩn 3 tiết khí : Xuân phân, Thanh minh, Cốc vũ. Quẻ Tốn (4) quẩn 3 tiết khí : Lập hạ, Tiểu mân, Mang chủng. Quẻ Ly (9) quẩn 3 tiết khí : Hạ chí, Tiểu thủ, Đại thủ. Quẻ Khôn (2) quẩn 3 tiết khí: Lập thu, Xử thủ, Bạch lộ. Quẻ Đoài (7) quẩn 3 tiết khí: Thu phân, Hàn lộ, Sương giáng. Quẻ Càn (6) quẩn 3 tiết khí: Lập đông, Tiểu tuyết, Đại tuyết. Trong 24 tiết khí lại gồm 12 tiết khí thuộc dương, 12 tiết khí thuộc âm. Trong mỗi tiết khí lại chia thành 3 nguyên là Thượng nguyên, Trung nguyên, và Hạ nguyên. Nguyên tắc định số cục cho mỗi tiết khí được thực hiện như sau:

♦ Định cục Thượng nguyên:

- Số cục thượng nguyên của mỗi tiết thứ nhất trong quẻ lấy theo số hiệu của quẻ quẩn tiết khí ấy. Giả như tiết Đông chí Chính khâm (Tý) lấy Thượng nguyên theo số hiệu của quẻ Khâm là 1. Tiết Hạ chí Chính Ly (Ngọ) lấy Thượng nguyên theo số hiệu của quẻ Ly là 9.
- Số cục thượng nguyên của tiết thứ hai trong quẻ lấy theo số cục Thượng nguyên của tiết thứ nhất cộng với 1 (nếu tiết đó thuộc dương), trừ đi 1 (nếu tiết đó thuộc âm). Giả như tiết Tiểu hàn (Đương) lấy số

cục Thượng nguyên của tiết Đông chí (thứ nhất) là $1 + 1 = 2$. Vậy tiết Tiểu hàn là dương độn 2 cục. Như tiết Tiểu thử (Âm) lấy số cục Thượng nguyên của tiết Hạ chí (thứ nhất) là $9 - 1 = 8$. Vậy tiết Tiểu thử là âm độn 8 cục.

- Số cục Thượng nguyên của tiết thứ ba trong quẻ lấy theo số cục của tiết Thượng nguyên của tiết thứ nhất cộng với 2 (nếu tiết đó thuộc dương), trừ đi 2 (nếu tiết đó thuộc âm). Giả như tiết Đại hàn (Dương) lấy số cục Thượng nguyên của tiết thứ nhất là $1 + 2 = 3$. Vậy tiết Đại hàn là dương độn 3 cục. Tiết Đại thử (Âm) lấy số cục Thượng nguyên của tiết thứ nhất là $9 - 2 = 7$. Vậy tiết Đại thử là âm độn 7 cục.

◆ Định cục Trung nguyên:

Số cục Trung nguyên của các tiết được lấy theo số cục Thượng nguyên của chính nó, cụ thể như sau:

- Nếu tiết đó thuộc Dương thì lấy số cục Thượng nguyên của chính nó cộng với 6. Tuy nhiên vì số cục cao nhất là 9 vì vậy nếu cộng số cục Thượng nguyên với 6 mà kết quả lớn hơn 9 thì phải trừ đi 9 và lấy số còn lại làm số cục. Giả như tiết Đông chí số cục Trung nguyên tính được bằng cách lấy số cục của Thượng nguyên là $1 + 6 = 7$. Vậy số cục Trung nguyên của tiết Đông chí là dương độn 7 cục.
- Nếu tiết đó thuộc Âm thì lấy số cục Thượng nguyên của chính nó trừ đi 6 (nếu số cục của Thượng nguyên lớn hơn 6). Nếu số cục của Thượng nguyên nhỏ hơn hoặc bằng 6 thì lấy số cục của Thượng nguyên cộng với 3. Giả như tiết Hạ chí số cục Trung nguyên tính được bằng cách lấy số cục của Thượng nguyên là $9 - 6 = 3$. Vậy số cục Trung nguyên của tiết Hạ chí là Âm độn 3 cục. Lại giả như Tiết Lập thu số cục Trung nguyên tính được bằng cách lấy số cục của Thượng nguyên là $2 + 3 = 5$ (vì số cục Thượng nguyên ở đây nhỏ hơn 6). Vậy số cục Trung nguyên của tiết Lập thu là Âm độn 5 cục.

♦ Định cục Hạ nguyên:

- Nếu tiết đó thuộc Dương độn thì cộng số cục của Trung nguyên của tiết đó với 6. Nếu cộng lại mà kết quả lớn hơn 9 thì phải trừ đi 9 và lấy số còn lại làm số cục. Giả như tiết Đông chí số cục Hạ nguyên tính được bằng cách lấy số cục của Trung nguyên là $7 + 6 = 13$, vì 13 lớn hơn 9 nên phải trừ đi $9 = 4$. Vậy số cục Hạ nguyên của tiết Đông chí là Dương độn 4 cục. Lại giả như tiết Thanh minh số cục Trung nguyên là 1 vậy số cục Hạ nguyên sẽ là $1 + 6 = 7$. Vậy số cục Hạ nguyên của tiết Thanh minh là Dương độn 7 cục.
- Nếu tiết đó thuộc Âm độn thì trừ số cục của Trung nguyên của tiết đó với 6 (nếu số cục của Trung nguyên lớn hơn 6). Nếu số cục của Trung nguyên nhỏ hơn hoặc bằng 6 thì lấy số cục của Trung nguyên cộng với 3. Giả như tiết Hạ chí số cục Hạ nguyên tính được bằng cách lấy số cục của Trung nguyên là $3 + 3 = 6$ (vì số cục Thượng nguyên ở đây nhỏ hơn 6). Vậy số cục Hạ nguyên của tiết Hạ chí là Âm độn 6 cục. Lại giả như Tiết Lập đông số cục Hạ nguyên tính được bằng cách lấy số cục của Trung nguyên là $9 - 6 = 3$. Vậy số cục Hạ nguyên của tiết Lập thu là Âm độn 3 cục.

Thất thập nhị cục kỳ môn (72 cục) được lập thành như sau:

DƯƠNG ĐỘN (Đi thuận)			
Tiết	Thượng	Trung	Hạ
Đông chí	1	4	7
Tiểu hàn	2	8	5
Đại hàn	3	9	6
Lập xuân	8	5	2
Vũ thuỷ	9	6	3
Kinh chạp	1	7	4
Xuân phân	3	9	6

Thanh minh	4	1	7
Cốc vũ	5	2	8
Lập hạ	4	1	7
Tiểu mãn	5	2	8
Mang chủng	6	3	9
ÂM ĐỘN (Đi nghịch)			
Ha chí	9	3	6
Tiểu thủ	8	2	5
Đại thủ	7	1	4
Lập thu	2	5	8
Xử thủ	1	4	7
Bạch lộ	9	3	6
Thu phân	7	1	4
Hàn lộ	6	9	3
Sương giáng	5	8	2
Lập đông	6	9	3
Tiểu tuyết	5	8	2
Đại tuyết	4	7	1

Ghi chú: Ngũ cục (5) âm độn lấy Khôn cung, dương độn lấy Cấn cung.

❖ Lấy bồ tiết phù đầu (Thất thập nhị cung sơn cục kỳ môn)

Là 72 cục cửu cung độn giáp y theo tinh diệu mà khởi. Đóng chí đi thuận, Hạ chí đi nghịch.

Số của 72 sơn cục (Long cục) được thành lập theo nguyên tắc sau:

- Thượng cục lấy Giáp Kỷ thêm Tý Ngọ Mão Dậu; Trung cục lấy Giáp Kỷ thêm Dần Thân Tị Hợi; Hạ cục lấy Giáp Kỷ thêm Thìn Tuất Sửu Mùi. Thuận số kim đồng hồ cộng 5 là được. Vậy:

- Giáp tý, Giáp ngọ; Kỷ mão, Kỷ dậu thuộc Thượng cục. Giáp dần, Giáp thân; Kỷ tị, Kỷ hợi thuộc Trung cục. Giáp thìn, Giáp tuất; Kỷ sứu, Kỷ mùi thuộc Thượng cục.

Giả như:

Giáp tý hoặc Kỷ mão thuộc Thượng cục. Giáp tý thuộc tiết Đại tuyết (4,1,7) vậy Giáp tý thuộc âm độn thượng cục 4. Lại từ Giáp Tý thuận chiềú kim đồng hồ tiến 5 vị ra Ất sứu. Ất sứu thuộc Thượng cục, tiết Tiểu hàn (2,8,5) vậy Ất sứu thuộc dương độn thượng cục 2. Lại từ Ất sứu tiến 5 vị ra Bính dần. Bính dần thuộc Thượng cục, tiết Lập xuân (8,5,2) vậy Bính dần thuộc dương độn Thượng cục 8. Lại từ Bính dần tiến 5 vị ra Đinh mão. Đinh mão thuộc Thượng cục, tiết Kinh chạp (1,7,4) vậy Đinh mão dương độn Thượng cục 1. Lại từ Đinh mão tiến 5 vị ra Mậu thìn. Mậu thìn thuộc Thượng cục, tiết Thanh minh (4,1,7) vậy Mậu thìn thuộc Thượng cục dương độn 4 cục. Như thế là đủ 5 lần tiến, đến đây dừng lại vì tiến nữa sẽ ra Kỷ tị là Trung cục rồi.

Kỷ mão thuộc tiết Kinh chạp (1,7,4). Vậy Kỷ mão thuộc dương độn thượng cục 1. Lại từ Kỷ mão thuận chiềú kim đồng hồ tiến 5 vị ra Canh thìn, thuộc tiết Thành minh (4,1,7) lấy số thượng cục. Vậy Canh thìn thuộc dương độn thượng cục 4. Lại từ Canh thìn thuận chiềú kim đồng hồ tiến 5 vị ra Tân tị, thuộc tiết Lập hạ (4,1,7) lấy số thượng cục. Vậy Tân tị thuộc dương độn thượng cục 4. Lại từ Tân tị thuận chiềú kim đồng hồ tiến 5 vị ra Nhâm ngọ, thuộc tiết Mang chủng (6,3,9) lấy số thượng cục. Vậy Nhâm ngọ thuộc dương độn thượng cục 6. Lại từ Nhâm ngọ thuận chiềú kim đồng hồ tiến 5 vị ra Quý mùi, thuộc tiết Tiểu thử (8,2,5) lấy số thượng cục. Vậy Canh thìn thuộc Âm độn thượng cục 8. Như thế là đủ 5 lần tiến, đến đây dừng lại vì tiến nữa sẽ ra Giáp thân là Trung cục rồi.

Các long khác kỳ dư cũng theo đó mà suy.

Ghi chú:

“Bổ tiết phù đầu của Thiên quái” lấy theo toạ sơn phân kim của ngôi nhà.

4/ BÁT QUÁI BIẾN KHÍ.

Bát Quái biến khí có 3 phép:

- Nhất biến hào thượng
- Nhất biến hào trung
- Nhất biến hào sơ (hạ)

PHÉP 1:

Phép nhất biến hào thượng còn gọi là phép “Nhất biến thượng vi Tham”.

Dùng tên của bát tinh để quy khí thể hiện sự biến đổi đơn của bát Quái bắt đầu từ hào thượng biến đi, lấy Tham lang làm đầu theo thứ tự:

Tham	Cự	Lộc	Văn	Liêm	Vũ	Phá	Phụ
1	2	3	4	5	6	7	8

Cách biến:

1. Nhất biến: Tham lang (Mộc +): Quỷ Chấn
2. Nhị biến: Cự môn (Thổ +): Quỷ Cấn
3. Tam biến: Lộc tốn (Thổ -): Quỷ Khôn
4. Tứ biến: Văn khúc (Thuỷ): Quỷ Khảm
5. Ngũ biến: Liêm trình (Hoả): Quỷ Ly
6. Lục biến: Vũ khúc (Kim +): Quỷ Càn
7. Thất biến: Phá quân (Kim -): Quỷ Đoài
8. Bát biến: Phụ bật (Mộc -): Quỷ Tốn

Nhất biến hào 3. Nhị biến hào 2,3. Tam biến hào 1,2,3. Tứ biến hào 1,3.

Ngũ biến hào 1. Lục biến hào 1,2. Thất biến hào 2. Bát biến không hào.

Trong đó 4 sao Tham, Vũ, Cự, Phụ là cát tinh. 4 sao Liêm, Phá, Văn, Lộc là hung tinh.

PHÉP 2:

Phép nhất biến hào trung còn gọi là phép “Nhất biến trung vi Phụ”. Phép này theo thứ tự biến hào từ giữa biến đi. Thực chất thì lần biến thứ nhất là không biến hào nào, lần biến thứ hai mới biến hào giữa (trung). Tuy nhiên vì lần thứ nhất không biến nên lấy lần biến thứ hai hào trung để gọi theo sao của lần biến

thứ nhất ra Phụ bật mà có tên là nhất biến trung vi phụ vậy. Phép này lấy Phụ bật làm đầu theo thứ tự sau:

Phụ	Vũ	Phá	Liêm	Tham	Cự	Lộc	Văn
1	2	3	4	5	6	7	8

Cách biến:

- Nhất biến: Phụ bật (Mộc -): Quỷ Tốn
- Nhị biến: Vũ khúc (Kim +): Quỷ Càn
- Tam biến: Phá quân (Kim -): Quỷ Đoài
- Tứ biến: Liêm trinh (Hỏa): Quỷ Ly
- Ngũ biến: Tham lang (Mộc +): Quỷ Chấn
- Lục biến: Cự môn (Thổ +): Quỷ Cấn
- Thát biến: Lộc tồn (Thổ -): Quỷ Khôn
- Bát biến: Văn khúc (Thuỷ): Quỷ Khảm

Nhất biến không hào. Nhị biến hào 2. Tam biến hào 1,2. Tứ biến hào 1. Ngũ biến hào 1,3. Lục biến hào 1,2,3. Thát biến hào 2,3. Bát biến hào 3.

Trong đó 4 sao Tham, Vũ, Cự, Phụ là cát tinh. 4 sao Liêm, Phá, Văn, Lộc là hung tinh.

PHÉP 3:

Phép nhất biến hào sơ còn gọi là phép “Nhất biến hạ vi Liêm”. Phép này theo thứ tự biến hào từ dưới biến lên, lấy liêm trinh làm đầu theo thứ tự.

Liêm	Phá	Phụ	Văn	Vũ	Cự	Lộc	Tham
1	2	3	4	5	6	7	8

Cách biến:

- Nhất biến: Liêm trinh (Hỏa): Quỷ Ly
- Nhị biến: Phá quân (Kim -): Quỷ Đoài
- Tam biến: Phụ bật (Mộc -): Quỷ Tốn
- Tứ biến: Văn khúc (Thuỷ): Quỷ Khảm
- Ngũ biến: Vũ khúc (Kim +): Quỷ Càn
- Lục biến: Cự môn (Thổ +): Quỷ Cấn
- Thát biến: Lộc tồn (Thổ -): Quỷ Khôn

8. Bát biến: Tham lang (Mộc +): Quỷ Chấn

Nhất biến hào 1. Nhị biến hào 1,2. Tam biến hào 2. Tứ biến hào 2,3. Ngũ biến hào 1,2,3. Lục biến hào 1,3. Thất biến hào 3. Bát biến không hào.

Trong đó 4 sao Tham, Vũ, Cự, Phụ là cát tinh. 4 sao Liêm, Phá, Văn, Lộc là hung tinh.

❖ Chú giải: Cái gọi là 4 sao cát, 4 sao hung cho đến làm cát lục tú bát quý; nhì thập cát long cũng đều do âm dương nhất khí, không hỗn tạp mà ra vậy.

- Theo hậu thiên: Như càn thì tốn là phương kiến phá. Lấy càn cục thực chất là tốn vậy.

- Theo tiên thiên: cũng thế như càn cục (Long đầu) thì khôn là đối cung càn khôn đắp đổi cho nhau, Khảm Ly đắp đổi cho nhau, chấn tốn, cấn đoài đắp đổi cho nhau.

Càn Khôn Ly Khảm: là 4 cung dương

Chấn Tốn Cấn Đoài: là 4 cung âm

Âm đi với âm, dương đi với dương là âm dương nhất khí nên cát, âm dương hỗn tạp là hung. Như thế là đồng khí mà tương đắc vậy.

Giả như Càn cục nhất biến là ra Liêm (Càn biến hào 1 ra quỷ Tốn) Càn Khôn đắp đổi, lấy Khôn so với Tốn là âm dương hỗn tạp nên Liêm chính là hung tinh; Càn nhị biến ra phá (Càn nhị biến hào 1,2 thành Cấn). Khôn với Cấn là âm dương hỗn tạp nên phá quân là hung tinh. Lại Càn tam biến hào 2 ra quỷ Ly sao Phụ bật. Khôn so với Ly là cùng dương là nhất khí nên Phụ bật là cát tinh vậy. Kỳ dư cũng cứ thế mà suy.

5/ LẤY NIÊN VẬN PHÙ ĐẦU.

Theo vòng lục thập bình phân thấu địa long thì 4 quỷ tứ chính (Khảm, Ly, Chấn, Đoài) đều quản 8 long, 4 quỷ tứ ngung đều quản 7 long như vậy là $8 \times 4 = 32$ lại cộng với $7 \times 4 = 28$ long thành 60 long.

Bắt đầu từ quỷ Khảm quản 8 long là (Giáp tý, Bính tý, Mậu tý, Canh tý, Nhâm tý, Ất sửu, Đinh sửu, Kỷ sửu).

Quỷ Cấn quản 7 long là (Tân sửu, Quý sửu, Bính dần, Mậu dần, Canh dần, Nhâm dần, Giáp dần).

Quẻ Chấn quản 8 long là (Đinh mão, Kỷ mão, Tân mão, Quý mão, ất mão, Mậu thìn, Canh thìn, Nhâm thìn).

Quẻ Tốn quản 7 long là (Giáp thìn, Bính thìn, Kỷ tị, Tân tị, Quý tị, ất tị, Đinh tị).

Quẻ Ly quản 8 long là (Canh ngọ, Nhâm ngọ, Giáp ngọ, Bính ngọ, Mậu ngọ, Tân mùi, Quý mùi, ất mùi).

Quẻ Khôn quản 7 long là (Đinh mùi, Kỷ mùi, Nhâm thân, Giáp thân, Bính thân, Mậu thân, Canh thân).

Quẻ Đoài quản 8 long là (Quý dậu, ất dậu, Đinh dậu, Kỷ dậu, Tân dậu, Giáp tuất, Bính tuất, Mậu tuất).

Quẻ Càn quản 7 long là (Canh tuất, Nhâm tuất, ất hợi, Đinh hợi, Kỷ hợi, Tân hợi, Quý hợi).

Phép lấy niên vận phù đầu phải căn cứ vào cung khởi nguyên của lục thập bình phân thấu địa long rồi xem thuộc quẻ nào quản, tứ chính hay tứ ngung mà biến, theo phép “nhất biến hả vi Liêm” để biết sao nào chủ quản.

♦ Cung khởi nguyên của 60 thấu địa long được xác định trên cơ sở can chi năm sinh phối với luật ngũ âm.

♦ Căn cứ vào can năm niên vận (hay can của 60 thấu địa long) thì :

Giáp Kỷ : Thổ vận thuộc âm Cung

ất Canh: Kim vận thuộc âm Thương

Bính Tân: Thuỷ vận thuộc âm Vũ

Đinh Nhâm: Mộc vận thuộc âm Giốc

Mậu Quý: Hoả vận thuộc âm Chuỷ

♦ Căn cứ vào chi năm – Niên vận (hay chi của 60 thấu địa long) thì :

Tí Hợi : Âm Giốc

Dần Thân, Sửu Mùi : Âm Chuỷ

Tý Ngọ : Âm Cung

Thìn Tuất: Âm Thương

Mão Dậu: Âm Vũ

Thứ tự ngũ âm lấy cung:

1	2	3	4	5
Giốc (Mộc)	Chuỷ (Hoả)	Cung (Thổ)	Thương (Kim)	Vũ (Thuỷ)
<u>Càn, Đoài</u>	<u>Lý</u>	<u>Chấn, Tốn</u>	<u>Khảm</u>	<u>Cấn, Khôn</u>

Căn cứ luật Ngũ âm Niên vận ra năm nào thì năm đó là khởi Nguyên cung.

- Như năm Bính Ngọ (Bính Ngọ long).

Theo âm luật thì Năm Bính Tân thuộc âm Vũ.

Năm Tý Ngọ thuộc âm Cung.

Vây khách âm sẽ là: Vũ Giốc Chuỷ Cung Thương.

Chủ âm là : Giốc Chuỷ Cung Thương Vũ.

Ngũ âm phối bát cung: Càn, Đoài. Lý. Chấn, Tốn. Khảm. Cấn, Khôn.

Ở đây âm theo hàng can của năm (Nhân long) lấy để định âm đầu của vòng khách âm, âm theo hàng chi của năm (Nhân long) để định khách âm. Khách âm của năm Ngọ ra âm Cung lấy xuống chủ âm là âm Thương. Âm Thương của âm chủ trong luật ngũ âm phối bát cung là cung Khảm. Vậy cung Khởi nguyên của năm Bính Ngọ là Khảm.

- Năm Giáp Tý (Nhân long).

Theo âm luật thì Năm Giáp Kỷ thuộc âm Cung.

Năm Tý Ngọ cũng thuộc âm Cung.

Vây khách âm sẽ là: Cung Thương Giốc Chuỷ Vũ.

Chủ âm là : Giốc Chuỷ Cung Thương Vũ.

Ngũ âm phối bát cung: Càn, Đoài. Lý. Chấn, Tốn. Khảm. Cấn, Khôn.

Khách âm của năm Tý ra âm Cung lấy xuống chủ âm là âm Giốc. Âm Giốc của âm chủ trong luật ngũ âm phối bát cung là cung Càn, Đoài. Nếu son chủ thuộc dương độn (Từ Đồng chí đến mang chủng) lấy Càn. Nếu son chủ thuộc âm độn (Từ Hạ chí đến Đại tuyết) lấy Đoài.

- Lại như Năm Quý Hợi (Nhân long).

Theo âm luật thì Năm Mậu Quý thuộc âm Chuỷ.

Năm Tị Hợi thuộc âm Giốc.

<u>Vây khách âm sẽ là:</u>	Chuỷ	Cung	Thương	Vũ	<u>Giốc</u>
<u>Chủ âm là:</u>	Giốc	Chuỷ	Cung	Thương	<u>Vũ.</u>
<u>Ngũ âm phối bát cung:</u>	Cần, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cán, Khôn.				

Khách âm của năm Hợi ra âm Giốc lấy xuống chủ âm là âm Vũ. Âm Vũ của âm chủ trong luật ngũ âm phối bát cung là cung Cần, Khôn. Nếu sơn chủ thuộc dương độn (Từ Đồng chí đến mang chửng) lấy Cần. Nếu sơn chủ thuộc âm độn (Từ Hạ chí đến Đại tuyết) lấy Khôn. Kỳ dư các năm khác cũng theo thế mà suy.

Sau khi lấy được cung Khởi nguyên lại căn cứ vào bát quái quản long để biến khí. Ví dụ Dương độn (sơn chủ nhà thuộc Dương) năm Đinh Hợi cung Khởi nguyên lấy Cần. Theo Long quy Bát quái thì Đinh hợi thuộc quẻ Cần quản cục (Tứ ngưng). Phối Cần với Cần bát biến ra Tham lang (+ Mộc tinh) số 3 quẻ Chấn. Vậy Đinh Hợi long (hay niên vận) lấy số 3 quẻ Chấn là niên vận phù đầu.

Ví dụ khác: Âm độn (sơn chủ). Niên vận ra Mậu Tuất, cung Khởi nguyên lấy Tốn. Mậu Tuất thuộc quẻ Đoài quản cục (tứ chính), phối Tốn với Đoài ra lục biến thành Cự môn số 8 quẻ Cần. Vậy niên vận phù đầu là quẻ Cần, số 8.

Kỳ dư cũng cứ theo đó mà suy.

6/ QUÝ ĐẠO CỦA BÁT CUNG

Có tám hệ vận hành cơ bản: Cần Không Chấn Tốn, Khảm Ly Cần Đoài. Tám hệ này lại vận hành theo hai đường quý đạo âm dương thuận nghịch thành $2 \times 8 = 16$ hệ. Đường vận hành của tám hệ cơ bản cụ thể như sau:

1. Hệ cần: Gốc khởi từ Cần, Đoài, Cần, Ly, Khảm, Khôn, Chấn, Tốn, Trung cung.
2. Hệ Khôn: Gốc khởi từ Khôn, Khảm, Ly, Cần, Đoài, Cần, Trung cung, Tốn, Chấn
3. Hệ Chấn: Gốc khởi từ Chấn, Đoài, Tốn, Khảm, Cần, Trung cung, Khôn, Ly, Cần
4. Hệ Tốn: Gốc khởi từ Tốn, Đoài, Chấn, Cần, Ly, Khôn, Trung cung, Cần, Khảm

5. H  K m: G c kh i từ K m, C n, Trung cung, T n, Ly, C n, Đ ai, Ch n, Kh n
6. H  Ly: G c kh i từ Ly, T n, Trung cung, C n, K m, Kh n, Ch n, Đ ai, C n
7. H  C n: G c kh i từ C n, Ch n, C n, Ly, K m, T n, Đ ai, Kh n, Trung cung
8. H  Đ ai: G c kh i từ Đ ai, T n, K m, Ly, C n, Ch n, C n, Trung cung, Kh n

T m h  này l i i c o hai d ng v n h nh  m-dương thu n ngh ch. Qu y d o ng ch y thu n nh  tr n, qu y d o ng  m ch y ngược l i i. Qu y d o ng  m c f a h  C n ch nh l i i d ng v n h nh c f a h  Kh n, v a ngược l i i. Qu y d o ng  m c f a h  Ch n ch nh l i i d ng v n h nh c f a h  T n v a ngược l i i. Qu y d o ng  m c f a h  K m ch nh l i i d ng v n h nh c f a h  Ly, v a ngược l i i. Qu y d o ng  m c f a h  C n ch nh l i i d ng v n h nh c f a h  Đ ai v a ngược l i i.

Tuy n i n c n lưu ý đối với số 5 (Ng  ho ng) lấy theo h  v n đ ng g c nh  sau:

- H  C n (+) v a H  Kh n (+): Ra Số 5 lấy C n.5
- H  C n (-) v a H  Kh n (-): Ra Số 5 lấy Kh n.5
- H  Ch n (+) v a H  T n (+): Ra Số 5 lấy C n.5
- H  Ch n (-) v a H  T n (-): Ra Số 5 lấy T n.5
- H  K m (+) v a H  Ly (+): Ra Số 5 lấy C n.5
- H  K m (-) v a H  Ly (-): Ra Số 5 lấy Kh n.5
- H  C n (+) v a H  Đ ai (+): Ra Số 5 lấy C n.5
- H  C n (-) v a H  Đ ai (-): Ra Số 5 lấy T n.5

**(S  v n h nh theo t m h  này th hi n quan di m nh n nh n v  kh ng gian đ a chi u (c u th i l i i t m chi u) trong Tri t h c ph uong d ng, v a cách d nh gi  s  v n d ng v a tồn tại c f a s  v t hi n t ng theo m t h  g y chi u nh t đ nh. Th gi i lu n lu n tồn tại trong s  v n d ng, kh ng c o s  v n d ng thi kh ng c o s  t ng tại. Tuy n i n m i i th gi i l i i ch i i tồn tại trong m t h  v n d ng nh t đ nh. (Nh  th gi i ch ng ta tồn tại trong s  v n d ng c f a h *

còn). Mỗi hệ vận động lại có những tiêu chí và thước đo của nó mà các sự vật hiện tượng tồn tại trong đó phải tuân theo các quy luật do hệ vận động này chỉ phôi. Giả sử như theo hệ Càn để chuyển động từ Trung cung đến Tốn phải qua tám bước. Từ trung cung tới Càn, Càn tới Đoài, Đoài tới Cấn, Cấn tới Ly, Ly tới Khảm, Khảm tới Khôn, Khôn tới Chấn và cuối cùng là Chấn tới Tốn. Đó chính là đường thẳng ngắn nhất để đi từ Trung cung đến Tốn trong hệ càn. Tuy nhiên nếu theo hệ vận động khác, chẳng hạn hệ Khôn thì diễn biến lại hoàn toàn khác. Để đi từ Trung cung đến Tốn chỉ cần một bước, đó là bước nhảy Anpha. Điều đó nói nên rằng có những vấn đề trong một hệ này không thể giải quyết và thực hiện được thì trong một hệ vận động khác lại có thể thực hiện được một cách dễ dàng. Đó là những hố (lỗ đen) vũ trụ mà trong thuyết nhà Phật cũng đã đề cập đến những con đường như thế và gọi là đường hầm luân hồi. Thế giới không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi nó chỉ chuyển hóa sự tồn tại từ hệ vận động này sang sự tồn tại trong một hệ vận động khác. Và dĩ nhiên trong mỗi một hệ vận động lại tồn tại một thế giới với những quy luật đặc thù của nó).

TAM QUÁI PHÁP

1. THIÊN QUÁI

1/ LẤY THIÊN CỤC VÀ TIẾP KHÍ CUNG.

(còn gọi là bản quái cục và phương tiếp khí)

Căn cứ vào địa hình thực tế bên ngoài khu đất, lấy nơi kiến phá giao tranh làm bản quái cục (đối cung hoặc không đối cung). Sau đó căn cứ vào mối quan hệ tương hỗ giữa hình thể của ngôi nhà, luồng khí xuất nhập và địa thế bên ngoài nhà mà xác định tiếp khí cung cho thiên quái. (Xem kỹ phần Dương trạch định cục và phân tiền cứu).

2/ LẤY BỎ TIẾT PHÙ ĐẦU.

Bỏ tiết phù đầu được lấy theo thất thập nhị cục (72 cục) của Toạ sơn phân kim của ngôi nhà (xem âm hay dương độn, mây cục) (đã trình bày kỹ ở phần trước, phân tiền cứu).

3/ Lấy long đầu.

Để lấy được long đầu cho Thiên cục phải tiến hành các bước sau:

+ Bước 1: Đặt thiên cục vào trung cung vận hành theo quỹ đạo của hệ “Phù đầu tinh” tới Toạ sơn của ngôi nhà, xem ra sao gì, quẻ gì.

+ Bước 2: Phối giữa quẻ bản cung của sơn chủ (theo chính ngũ hành) với sao ra toạ sơn ở bước 1 theo phép “Nhất biến hạ vi Liêm” xem ra sao gì số mấy thuộc quẻ gì? và sao này nạp can gì? Theo nguyên tắc:

- Sao Tham Lang nạp can Canh
- Sao Liêm trinh nạp can Nhâm
- Sao Phá quân nạp can Đinh, Kỷ
- Sao Vũ khúc nạp can Giáp
- Sao Văn khúc nạp can Quý
- Sao Lộc tồn nạp can Ất
- Sao Cự môn nạp can Bính, Mậu
- Sao Phụ bội nạp can Tân.

Ghi chú: Vì sao thì có 8 sao, mà cần lại có tới 10 can nên có hai sao Cự môn và sao Phá quân nạp 2 can. Do đó khi phân kim toạ sơn dương độn thì sao Phá quân lấy Kỷ, sao Cự môn lấy Bính. Khi phân kim toạ sơn âm độn thì sao Phá quân lấy Đinh, sao Cự môn lấy Mậu.

+ Bước 3: Nạp can của quẻ vừa lấy ở bước 2 với chi của Thiên quái quản cục, can dương nạp chi dương, can âm nạp chi âm. Vì mỗi quái luôn quản 2 chi (phân kim trong vòng lục thập bình phân thấu địa long).

4/ THÀNH LẬP PHƯƠNG TRÌNH THIÊN QUÁI:

❖ Phương trình 1: (Điểm huyệt) (Điểm huyệt)

Long đầu

(...Vị)

PK Tọa sơn

Phù đầu cục

Hệ....(+)(-)

Huyệt vị

❖ Phương trình 2: (Hành long)

Thiên cục

(...Vị)

Long nhập thủ

Phù đầu cục

Hệ....(+)(-)

Huyệt vị

❖ Phương trình 3: (Lập hướng)

Tiếp khí cung

(Bát môn)

Hướng huyệt

Long nhập thủ

(+)

Thiên cục

Ghi chú: Phương trình một gọi là phương trình điểm huyệt, phương trình 2 gọi là hành long (hay còn gọi là quá trình xét các bước đi của long nhập thủ). Cả hai phương trình này đều vận hành theo quỹ đạo của hệ “Thiên cục” và âm dương thuận nghịch theo âm dương cục phân kim của tọa sơn (theo 72 cục). (Quỹ đạo của hệ Thiên cục là quỹ đạo tám hệ Càn Khôn Chấn Tốn, Khảm Ly Cấn Đoài)

Mỗi hệ đều có chiều thuận nghịch âm dương khác nhau, Thành $8 \times 2 = 16$. Tuy nhiên Thiên cục thì không có phân biệt âm dương, sự phân biệt âm dương này là do tọa sơn tạo ra, tọa sơn phân kim lại tự nó cũng không có phân biệt âm dương, sự phân biệt âm dương của nó hoàn toàn do sự phân biệt âm

dương của 72 cục kỳ môn mà ra vậy). Phương trình thứ 3 là quá trình lập hướng. Tức là sau khi có được huyệt vị, có được long nhập thủ thì phải biết huyệt đấy, long đấy phải đón được khí từ phương nào tới vì có huyệt, có long mà không đón đúng hướng khí long rót vào huyệt thì cũng chẳng thể nào phát được. Vậy mới bảo-là “Long nào huyệt đấy, huyệt nào hướng đấy”.

- **Huyệt vị:** tức là quái mà long đi tới rồi nhập vào đó. Tìm được bằng cách đặt long đầu vào phù đầu cục của 72 cục rồi căn cứ vào âm dương tám hệ của thiên cục, độn đến sơn chủ phân kim, dừng tại cung nào thì cung đó là Huyệt vị.

- **Long nhập thủ:** tức là quái mà sự biến đổi bước đi của dốt long cuối cùng tới huyệt vị tạo ra. Long nhập thủ tìm được bằng cách đặt bản cục vào phù đầu rồi cũng âm dương thuận nghịch theo quỹ đạo của hệ thiên cục mà vận hành (như trên theo sơn chủ) lần lượt chuyển cho hết các bước (vị) mỗi bước đi là 1 lần biến khí theo phép tích quỷ (Nhất biến hạ vị Liêm) khí biến ra từ mỗi bước đi đó gọi là tiết long (Quá trình dịch chuyển đó gọi là hành long) cho đến bước cuối cùng biến khí ra quái khí gì thì tiết long cuối cùng đó gọi là tiết (đốt) long nhập thủ. (Hay nhập thủ quái).

- **Hướng huyệt:** là hướng theo bát môn, là hướng mà theo đó đón được khí của long nhập thủ. Tìm được bằng cách đặt Tiếp khí cung (Xem tương ứng với cửa gì) vào long nhập thủ rồi theo phép bát môn thuận chạy (+) đến Quái cục (bản cục) ra cửa gì thì cửa đó chính là hướng huyệt vậy.

5/ LẬP QUÁI: (THIÊN QUÁI)

Lấy hướng huyệt làm quẻ thượng, long nhập thủ làm quẻ hạ, chồng lên nhau mà thành Quái (thiên quái).

Long nhập thủ là thể, hướng huyệt là dụng, long nhập thủ thì tĩnh mà hướng huyệt thì động vì vậy long nhập thủ lấy làm quẻ hạ (nội), hướng huyệt làm quẻ thượng (ngoại). Long nhập thủ là gốc, là chủ, hướng huyệt là ngọn, là khách, long khí tốt là huyệt tốt. Tuy nhiên nếu có long huyệt tốt mà không có hướng tốt đón được cát khí thì cũng chẳng ích gì, nếu lại ra sát khí thì còn trãm đường tai hoạ vậy,

"Ngẫm một phép này mà thấy trời đất thật bao la mà có thường độ. Vạn vật vô cùng mà có quy củ cát hung, thật là sáng tỏ. Người thiện tâm lâm được phép này tuy chưa hiểu vẫn có chỗ dụng, kẻ vô tâm dẫu lâm được phép này cũng chưa chắc đã có chỗ dụng vậy."

6/ XÁC ĐỊNH HÀO NGUYÊN ĐƯỜNG, HÀO ĐỘNG VÀ QUẾ BIẾN CỦA QUẾ GỐC.

- **Hào nguyên đường:** từ hào thế của quế gốc theo nguyên tắc "Tứ, Lục" (4,6) mà lấy hào nguyên đường. Tức Hé Dương độn thế hào dương lấy sao Văn khúc, thế hào âm lấy sao Cự môn, Hé Âm độn thế hào dương lấy sao Cự môn, thế hào âm lấy sao Văn khúc. (Hé Âm đôn hay Dương đôn nói ở đây lấy theo Phân kim toa sơn của ngôi nhà, tức theo âm dương thất thập nhị cục của 60 thấu địa long), bắt đầu từ hào thế thuận (+) chạy theo thứ tự sắp xếp của hệ sao của phép nhất biến hạ vi liêm, mỗi hào 1 sao (bát tinh) cho tới sao của Niên tinh chủ mệnh (của trạch chủ) thì dừng lại, rơi vào hào nào hào đó là hào nguyên đường.

- **Hào động:** Từ hào nguyên đường coi là chỉ Tý lại thuận đếm đến chỉ của năm sinh trạch chủ, rơi vào hào nào hào đó là hào động.

- **Quế biến:** Hào động thì biến, hào biến thì quế biến, quế do hào động biến ra là quế biến của Tam quái vậy.

*Mỗi nhà tự nó đã thành quái chẳng phụ thuộc vào ai đến ở, do địa hình ngoại cảnh và kiến trúc của nó đã chúa đựng sự cát hung. Nhưng mỗi người đến cư ngụ trong đó thì lại chịu sự tác động của nó 1 khác nhau tùy theo thể trạng, cung số của họ. Do đó quế gốc là cốt, là cái chung, quế biến thì tùy theo mệnh chủ mà thành cái riêng vậy.

2. ĐỊA QUÁI

1/ LẤY ĐỊA CỤC VÀ TIẾP KHÍ CUNG.

Phép lấy địa cục cũng như phép lấy thiên cục, nhưng thiên cục do địa hình bên ngoài nhà tạo ra, còn địa cục lại do sự bố trí kiến trúc trong nhà mà thành. Đầu là phép lấy kiến phá giao tranh, âm dương tương kiến. (Sự bố trí kiến trúc

nói ở đây có sự ổn định tương đối giữa nhà vệ sinh, bể nước, sổ phòng với cửa ra vào các phòng và cầu thang mà tạo ra địa khí). Còn tiếp khí cung của địa quái (tiếp địa) xem trong mục tiên cửu.

2/ LẤY PHÙ ĐẦU TINH.

Bổ tiết phù đầu tinh của Địa quái lấy theo Thiên cục, Chủ tinh của Quẻ Thiên quái và Sao quản vận của đại vận 20 năm (vận tinh). Tức là lấy Thiên cục phối với Chủ tinh của Quẻ Thiên quái rồi lại tiếp tục phối với sao quản đại vận (20 năm) của mỗi vận cần tính theo nguyên tắc “Nhất biến hạ vi Liêm”. (Quẻ đại vận như V.1 là Khảm, Sao Nhất bạch; V.2 là Khôn, Sao Nhị hắc; V.3 là Chấn, Sao Tam bích; ...). *Phép lấy Phù đầu tinh cho Quẻ Địa quái theo nguyên tắc trên được gọi tắt là “Nguyên tắc 3 cấp”.*

Công thức lấy Phù đầu tinh của Địa quái:

(Thiên cục x Chủ tinh Thiên Quái x Đại vận)

3/ LẤY LONG ĐẦU.

Phép lấy long đầu địa cục cũng như phép lấy long đầu cho thiên cục, Nhưng:

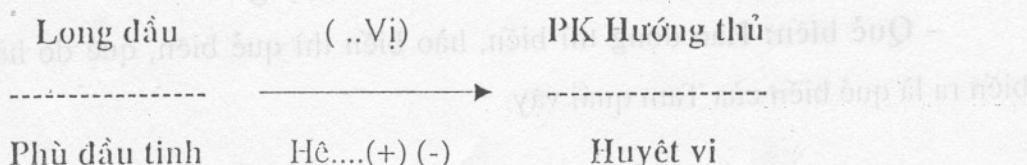
+ Thay thiên cục bằng địa cục nhập trung, rồi âm dương thuận nghịch phi ra 8 hướng theo quy đạo của hệ “Phù đầu tinh” của phán kim hướng thủ của ngôi nhà (72 cục), tới hướng thủ ngôi nhà xem ra sao gì số mấy quẻ gì.

+ Phối giữa quẻ bản cung của hướng thủ (theo chính ngũ hành) với sao phi đến hướng vừa nói trên xem ra sao gì, quẻ gì mà nạp can.

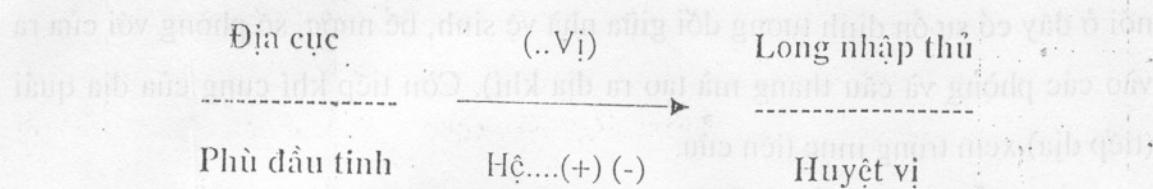
+ Nạp can giống như cho thiên cục. Tuy nhiên khi nạp can cho hai sao Phá quân và sao Cự môn thì không theo âm dương độn của Phân kim Toạ sơn mà lấy theo âm dương độn của Phân kim Hướng thủ của ngôi nhà.

4/ THÀNH LẬP PHƯƠNG TRÌNH ĐỊA QUÁI.

❖ Phương trình 1:



❖ Phương trình 2:



❖ Phương trình 3:

Tiếp khí cung (Bát mỗn) → Hướng huyệt

Long nhập thủ (+) → Địa cục

Ghi chú: Huyệt vị và long nhập thủ ở quẻ Địa quái này đều lấy theo hướng thủ của nhà. Phương thức giải của 3 phương trình này cũng như của thiên quái đã trình bày ở trên. (Hệ quỹ đạo chuyển động của phương trình một và phương trình hai theo quỹ đạo của Địa cục, phần âm dương chạy thuận nghịch đều theo âm dương của phân kim hướng thủ của ngôi nhà).

5/ LẬP QUÁI: (ĐỊA QUÁI)

Giống như phép lập quái của quẻ Thiên quái. Lấy hướng huyệt làm quẻ thượng, long nhập thủ làm quẻ hạ, chồng lên nhau mà thành Quái (Địa quái).

6/ LẤY NGUYÊN ĐƯỜNG, HÀO ĐỘNG, QUẺ BIỂN.

Cũng tương tự như của quẻ Thiên quái đã trình bày ở phần trước. Tức Hê Dương độn thế hào dương lấy sao Văn khúc, thế hào âm lấy sao Cự môn, Hê Âm độn thế hào dương lấy sao Cự môn, thế hào âm lấy sao Văn khúc. (Hê Âm hay Dương độn ở đây lấy theo Phân kim hướng thủ của ngôi nhà) bắt đầu từ hào thế thuận (+) chạy theo thứ tự sắp xếp của hệ sao của phép nhất biến hạ vi liêm, mỗi hào 1 sao (bát tinh) cho tới Sao của Niên tinh chủ mệnh (của trach chủ) thì dừng lại, rơi vào hào nào hào đó là hào Nguyên đường.

- **Hào động:** Từ hào nguyên đường coi là chỉ Tý lại thuận đếm đến chỉ của năm sinh trach chủ, rơi vào hào nào hào đó là hào động.

- **Quẻ biến:** Hào động thì biến, hào biến thì quẻ biến, quẻ do hào động biến ra là quẻ biến của Tam quái vậy.

3. NHÂN QUÁI

1/ LẤY NHÂN CỤC.

Đầu tiên phải xem năm tiểu vận đó là năm gì, cung Khởi nguyên là gì. Niên tinh số mấy, (đã trình bày trong phần tiền cùu mục 4. Lấy niên vận phù đầu).

Rồi lần lượt phối Địa cục với Niên vận phù đầu và Quẻ chủ mệnh (cùng phi của chủ nhà) theo phép nhất biến hạ đã nêu, ra quẻ gì thì quẻ đó là Nhân cục của năm tiểu vận ấy. "Nguyên tắc 3 cấp".

Công thức lấy Nhân cục:

(Địa cục x [Khởi nguyên x Niên tinh] x Mệnh chủ)

1. Lấy nhân cục cho năm dương:

(Địa cục x [Khởi nguyên x Niên tinh] x Mệnh chủ)

(Địa cục x A x Mệnh chủ)

(Địa cục x B x Mệnh chủ)

2. Lấy Nhân cục cho năm âm:

(Địa cục x [Khởi nguyên x Niên tinh] x Mệnh chủ)

(Địa cục x A x Mệnh chủ)

(Địa cục x B)

Lưu ý: Cung Khởi nguyên luân luân lấy theo âm dương Phân kim toạ sơn của ngôi nhà mà không bao giờ thay đổi. Giả như cung Khởi nguyên ra Càn, Đoài. Nếu Phân kim toạ sơn của ngôi nhà ra Phù đầu Dương cục thì lấy cung Khởi nguyên là Càn; nếu phân kim toạ sơn ra phù đầu Âm cục thì lấy cung Khởi nguyên là Đoài.

2/ LẤY LONG ĐẦU.

Long đầu của nhân cục chính là năm tiểu vận (xét theo lịch pháp).

3/ LẤY PHÙ ĐẦU TINH.

Lấy Niên vận tinh (sao trực năm tiểu vận) phối với Chủ tinh của quẻ gốc quẻ địa quái xem ra sao gì, quẻ gì số mấy, rồi lại đem nó phối với quẻ Đại môn của ngôi nhà theo tam hợp ngũ hành. (hướng đại môn lấy theo tam hợp ngũ hành của 24 son chủ quản) xem ra sao gì, quẻ gì thì đó chính là phù đầu tinh của nhân quái.

Công thức lấy Phù đầu tinh Nhân quái:

(Niên tinh x Chủ tinh Địa quái x Đại môn)

4/ LẬP PHƯƠNG TRÌNH NHÂN QUÁI.

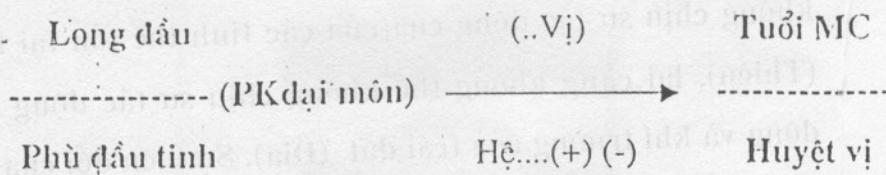
Phương trình nhân quái cũng tương tự như phương trình của thiên địa quái nhưng trong phương trình 1 Long đầu không chạy tới phân kim sơn, hướng mà chạy qua 2 bước. Bước 1 từ Long đầu chạy tới phân kim của Đại môn, rồi bước 2 lại tiếp tục chạy từ phân kim của Đại môn đến Năm sinh của Mệnh chủ. Hệ quỹ đạo chuyển động của phương trình 1 và phương trình 2 theo quỹ đạo của Sao chủ quản Quẻ Địa quái, phân âm dương chạy thuận nghịch đều theo âm dương của năm Tiểu vận, tức năm âm chạy nghịch năm dương chạy thuận.

Như vậy tiểu vận từng năm của 20 năm của một đại vận đều chỉ chạy theo một hệ quỹ đạo, đó là quỹ đạo của sao chủ Địa quái, và thuận nghịch âm dương tuỳ theo năm tiểu vận đó là năm âm hay năm dương mà thôi.

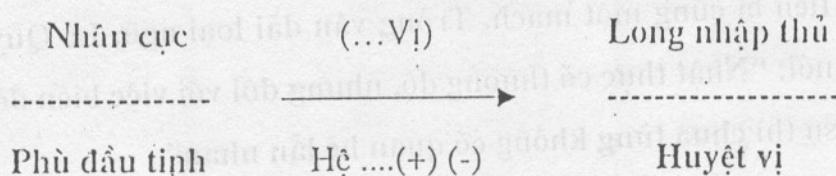
Phương trình 3 được xác lập sau khi xác định được quá trình hành long, tức là lấy được Long nhập thủ và Huyệt vị, rồi đặt “Tiếp nhân cung” trên Long nhập thủ thuận chạy theo phép bát môn đến Nhân cục, được hướng huyệt. (Trong một số trường hợp cụ thể do khí đến không được chính khí nên có thể không chạy thẳng tới Nhân cục mà chạy tới đối cung của Nhân cục - theo tiên thiên (*). Để xác định hướng huyệt).

(*) Đối cung của nhân cục theo tiên thiên tức là lấy đối cung theo phutong vị tiên thiên bát quái, Càn đối với Khôn, Ly đối với Khảm, Đoài đối với Cấn, Chấn đối với Tốn.

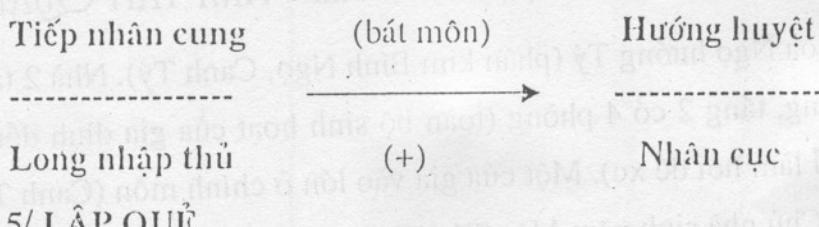
❖ Phương trình 1:



❖ Phương trình 2:



❖ Phương trình 3:



5/ LẬP QUÈ.

Lấy Hướng huyệt làm què thượng, Long nhập thủ làm què hạ, chông nên nhau mà được què Nhân quái (cũng như của thiên và địa quái).

6/ LẤY NGUYÊN ĐƯỜNG, HÀO ĐỘNG, QUÈ BIỂN.

Cũng hoàn toàn như của Thiên Địa quái. Tức Hệ Dương độn thế hào dương lấy sao Văn khúc, thế hào âm lấy sao Cự môn, Hệ Âm độn thế hào dương lấy sao Cự môn, thế hào âm lấy sao Văn khúc. (Năm tiểu vận âm là âm độn, Năm tiểu vận dương là dương độn), tuy nhiên khi có nguyên đường không khởi điểm từ Tý đến tuổi Mệnh chủ mà điểm đến năm tiểu vận (thái tuế) để tìm hào động.

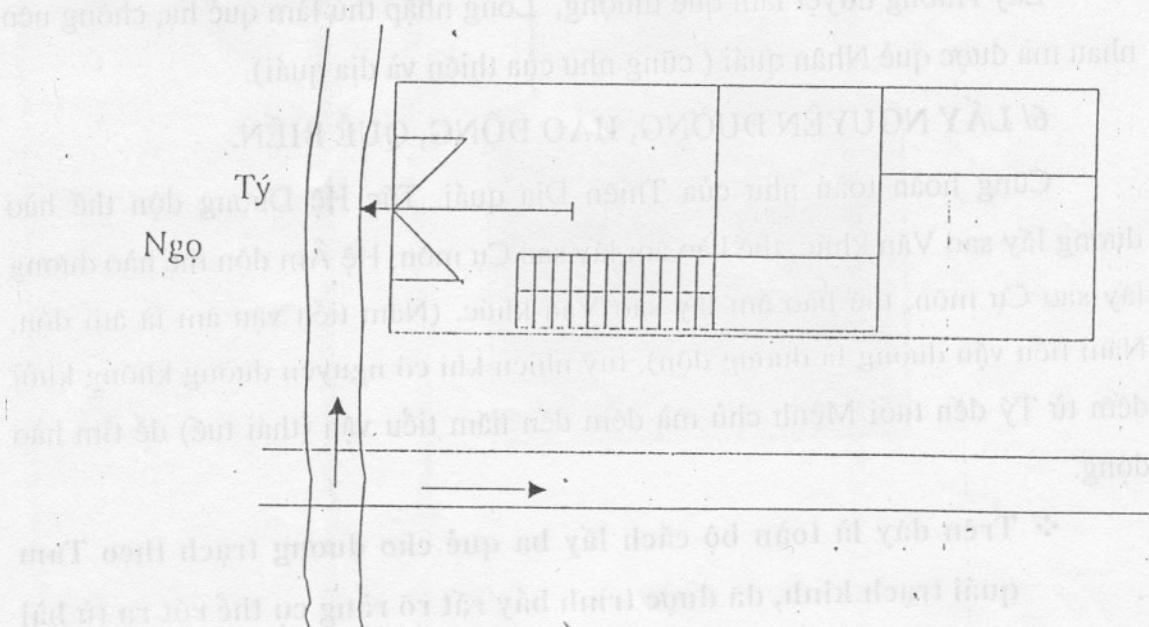
❖ Trên đây là toàn bộ cách lấy ba què cho dương trạch theo Tam quái trạch kinh, đã được trình bày rất rõ ràng cụ thể rút ra từ bài

ca quyết cỗ ở trên, nó nói nên được mối tương quan giữa ba ngôi Thiên - Địa - Nhân trong một môi trường và hệ Không - Thời gian nhất định. Đó là mối tương quan giữa con người với vũ trụ, giữa tiểu vũ trụ với đại vũ trụ. Con người sống trong vũ trụ không thể không chịu sự tác động của các tinh thể tồn tại trong vũ trụ (Thiên), lại càng không thể không chịu sự tác động của sự hoạt động và khí trường của trái đất (Địa). Sự biến đổi của trời tất dẫn đến sự biến đổi của đất, sự biến đổi của đất làm cho nhân sự thay đổi theo. Vì vậy mà nói người với trời là cùng một nguồn gốc; với tổ tiên là cùng một mạch. Trong ván dài loại ngũ, Lê Quý Đôn cũng nói: "Nhật thực có thường độ, nhưng đối với việc biến đổi của nhân sự thì chưa từng không có quan hệ lẫn nhau".

Thưởng thức mấy lời này thi có thể trọn tin không còn nghi hoặc nữa.

VÍ DỤ MINH HỌA CHO PHÉP TÍNH TAM QUÁI

Nhà toạ Ngọ hướng Tý (phân kim Bính Ngọ, Canh Tý). Nhà 2 tầng, tầng 1 chỉ có 1 phòng, tầng 2 có 4 phòng (tất cả sinh hoạt của gia đình đều ở tầng 2, tầng một chỉ làm nơi để xe). Một cửa giả vào lớn ở chính môn (Canh Tý), không có cửa phụ. Chủ nhà sinh năm Mậu Tý (1948). Nhà này nhập trạch vận – 7.



Theo Vọng khí pháp thì nhà này có:
 - Thiên cục là: Tốn
 - Địa cục là: Đoài
 - Mệnh trạch chủ: Đoài

XÉT TAM QUÁI TRẠCH

I. THIÊN QUÁI

1. Lấy Phù đầu cục:

Nhà này toạ Ngọ son (Phân kim Bính Ngọ): Thuộc tiết Hạ chí, hạ nguyên, âm độn 6 cục. Vậy lấy Càn.6 làm phù đầu.

2. Lấy Long đầu cục:

Đặt Thiên cục Tốn.4 vào Trung cung chạy theo hệ Càn âm độn, thì Cửu tử ra son chủ (cung Ly). Ta có đồ thức: $9/9 = \text{Tham.3}$

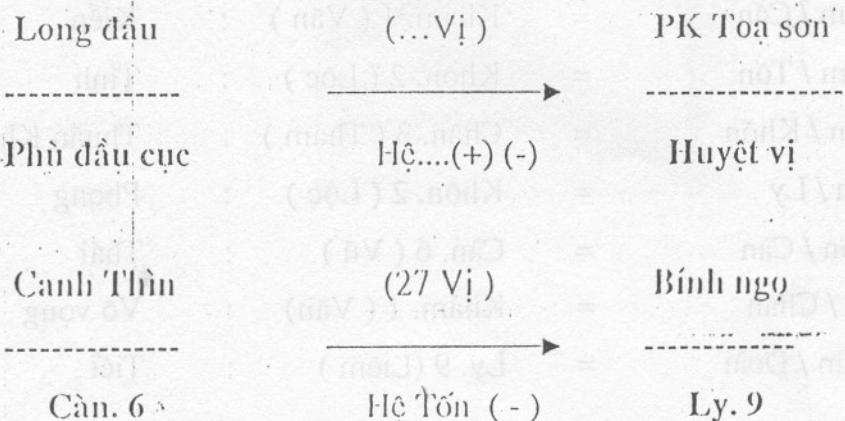
5	9	7
6	4	2
1	3	8

(Hệ càn Âm độn)

Tham.3 chứa can Canh. Thiên cục Tốn.4 Quản hai chi Thìn, Tị. Canh dương lấy Thìn, vậy Long đầu Thiên cục là “Canh Thìn”.

3. Lập Phương trình Thiên quái:

Phương trình 1: Phương trình điểm huyệt.



Canh Thìn thuộc vòng Giáp Tuất, Bính Ngọ thuộc vòng Giáp Thìn. Đặt Canh Thìn vào Càn.6 trong Lạc thư cửu cung, chuyển thuận theo hệ Tốn âm thì Giáp Tuất sẽ rơi vào cung Tốn. Lấy Giáp Tuất làm gốc chạy nghịch theo hệ Tốn âm (tức hệ Chấn dương) thì Giáp Thân tại Khảm; Giáp Ngọ tại Cấn, Giáp Thìn tại Trung cung. Lại tiếp tục từ Giáp Thìn chạy tới Ất Tị tại Khôn, vậy Bính Ngọ sẽ ra tại Ly.9 (Đây là phép chạy theo vòng Tuần thủ). Cũng có thể chạy theo cách đếm vị: Lấy Canh Thìn ra Càn.6 chạy theo hệ Tốn âm (tức hệ Chấn dương) dù 27 vị thì Bính Ngọ sẽ rơi vào cung Ly.9, Ta giải xong Phương trình 1.

Phương trình 2: Phương trình hành long.

Thiên cục (27 Vị) Long nhập thủ

Phù đầu cục Hệ Tốn (-) Huyệt vị

Tốn. 4 (27 Vị) Cấn. 8

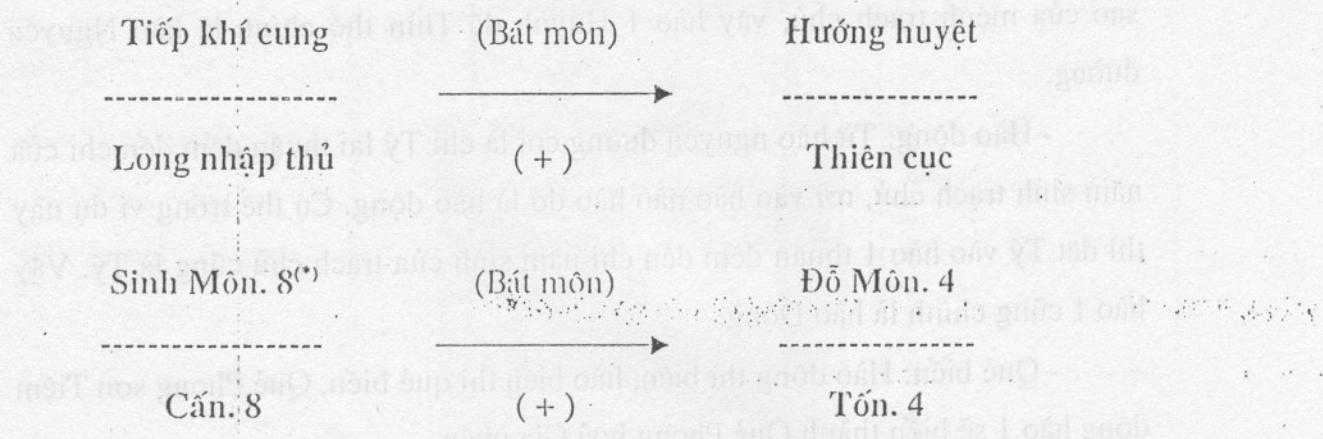
Càn. 6 Hệ Tốn (-) Ly. 9

- | | | | | |
|-----------------|---|----------------|---|------------|
| 1. Tốn / Càn | = | Ly. 9 (Liêm) | : | Tiểu súc |
| 2. Ly / Chấn | = | Khôn. 2 (Lộc) | : | Phê hạp |
| 3. Khôn / Đoài | = | Đoài. 7 (Phá) | : | Lâm |
| 4. Đoài / Tốn | = | Cấn. 8 (Cự) | : | Đại quá |
| 5. Cấn / Khảm | = | Khảm. 1 (Văn) | : | Mông |
| 6. Khảm / Cấn | = | Khảm. 1 (Văn) | : | Kiển |
| 7. Khảm / Tốn | = | Khôn. 2 (Lộc) | : | Tỉnh |
| 8. Khôn / Khôn | = | Chấn. 3 (Tham) | : | Thuần Khôn |
| 9. Chấn / Ly | = | Khôn. 2 (Lộc) | : | Phong |
| 10. Khôn / Càn | = | Càn. 6 (Vũ) | : | Thái |
| 11. Càn / Chấn | = | Khảm. 1 (Văn) | : | Vô vọng |
| 12. Khảm / Đoài | = | Ly. 9 (Liêm) | : | Tiết |

13. Ly / Tốn	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Đǐnh
14. Đoài / Khảm	=	Ly. 9 (Liêm)	:	Khốn
15. Ly / Cấn	=	Ly. 9 (Liêm)	:	Lữ
16. Ly / Tốn	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Đǐnh
17. Đoài / Khôn	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Tuy
18. Đoài / Ly	=	Khảm. 1 (Văn)	:	Cách
19. Khảm / Càn	=	Cần. 8 (Cự)	:	Nhu
20. Cấn / Chấn	=	Cần. 8 (Cự)	:	Di
21. Cần / Đoài	=	Càn. 6 (Vũ)	:	Tổn
22. Càn / Tốn	=	Ly. 9 (Liêm)	:	Cầu
23. Ly / Khảm	=	Càn. 6 (Vũ)	:	Vị tể
24. Càn / Cần	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Độn
25. Đoài / Tốn	=	Cần. 8 (Cự)	:	Đại quá
26. Cần / Khôn	=	<u>Khôn. 2 (Lôc)</u>	:	Bắc
27. Khôn / Ly	=	Cần. 8 (Cự)	:	Minh di.

Vậy Long nhập thủ là Quẻ Cần.8 thuộc tiết (dốt) 27, Quẻ Địa hoả Minh di.

Phương trình 3: Phương trình Lập hướng.



(*) Cửa Sinh: Lấy Theo vọng khí pháp.

4. Lấy Thiên quái:

Hướng huyệt

4

Long nhập thủ

8

Quẻ: Phong sơn Tiệm. Thuộc cung Cấn, Thổ ngồi hào 3 dương. Chủ tinh quản cục: Sao “Phụ bật” (Tốn. 4).

5. Lấy Nguyên đường và hào Động:

- Hào nguyên đường: từ hào thế của quẻ gốc theo nguyên tắc “Tứ, Lục” (4,6) mà lấy hào nguyên đường. Hộ Dương độn thế hào dương lấy sao Văn khúc, thế hào âm lấy sao Cự môn, Hộ Âm độn thế hào dương lấy sao Cự môn, thế hào âm lấy sao Văn khúc.

Ở đây là Hộ Tốn âm độn, lại Thổ ngồi hào 3 dương nên lấy sao Cự môn rồi bắt đầu từ hào thế thuận chạy theo thứ tự sắp xếp của hệ sao của phép nhất biến hạ vi liêm, mỗi hào 1 sao (bát tinh) cho tới sao của Niên tinh chủ mệnh (Sao Phá quân) thì dừng lại, rơi vào hào nào hào đó là hào nguyên đường. Cụ thể trong quẻ Tiệm này thì hào 3 Tử tôn Thân kim trì Thổ sao Cự môn, hào 4 Huynh đệ Mùi thổ sao Lộc tồn, hào 5 Phụ mẫu Tị hoả sao Tham lang, hào 6 Quan quỷ Mão mộc sao Liêm trinh, hào 1 Huynh đệ Thìn thổ sao Phá quân. Phá quân là sao của mệnh trạch chủ, vậy hào 1 Huynh đệ Thìn thổ chính là hào Nguyên đường.

- Hào động: Từ hào nguyên đường coi là chi Tý lại thuận đếm đến chi của năm sinh trạch chủ, rơi vào hào nào hào đó là hào động. Cụ thể trong ví dụ này thì đặt Tý vào hào 1 thuận đếm đến chi năm sinh của trạch chủ cũng là Tý. Vậy hào 1 cũng chính là hào Động.

- Quẻ biến: Hào động thì biến, hào biến thì quẻ biến, Quẻ Phong sơn Tiệm động hào 1 sẽ biến thành Quẻ Phong hoả Gia nhân.

II. ĐỊA QUÁI (Vận. 7 : 1984 - 2003)

1. Lấy Phù đầu tinh:

Để lấy Phù đầu tinh Địa quái, áp dụng công thức:

(Thiên cục x Chủ tinh Thiên Quái x Đại vận)

(Tốn.4 x Tốn.4 x Đoài.7)

—————
(Chấn.3 x Đoài.7) = Tốn.4

(Thiên cục tức Tốn.4 phối với Chủ tinh quản cục của quẻ Thiên quái tức sao Phụ bát quẻ Tốn.4, rồi lại phối với sao chủ tinh Đại vận (Vận 7 sao Phá quân quẻ Đoài.7) (Phối quẻ theo Phép 3). Tức lấy Tốn phối với Tốn phối với Đoài, lại ra sao Phụ bát Tốn.4. Vậy Sao Phụ bát Tốn.4 chính là phù đầu tinh của Địa quái).

2. Long đầu Địa cục:

Nhà này Hướng Tý (Phân kim Canh Tý) thuộc tiết Đông chí trung nguyên Dương độn 7 cục.

Đặt Địa cục Đoài.7 vào Trung cung chạy theo hệ Đoài Dương độn, thì Nhị hắc ra Hướng thủ (cung Khâm.1). Ta có đồ thức: $2 / 1 =$ Phụ.4

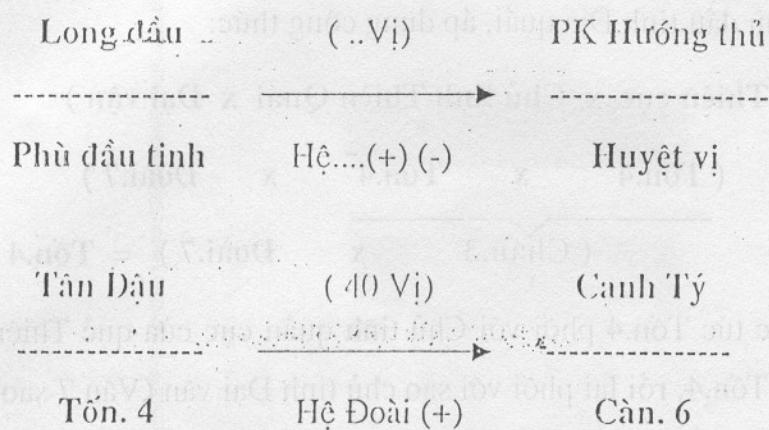
1	3	8
5	7	9
6	2	4

(Hệ đoài Dương độn)

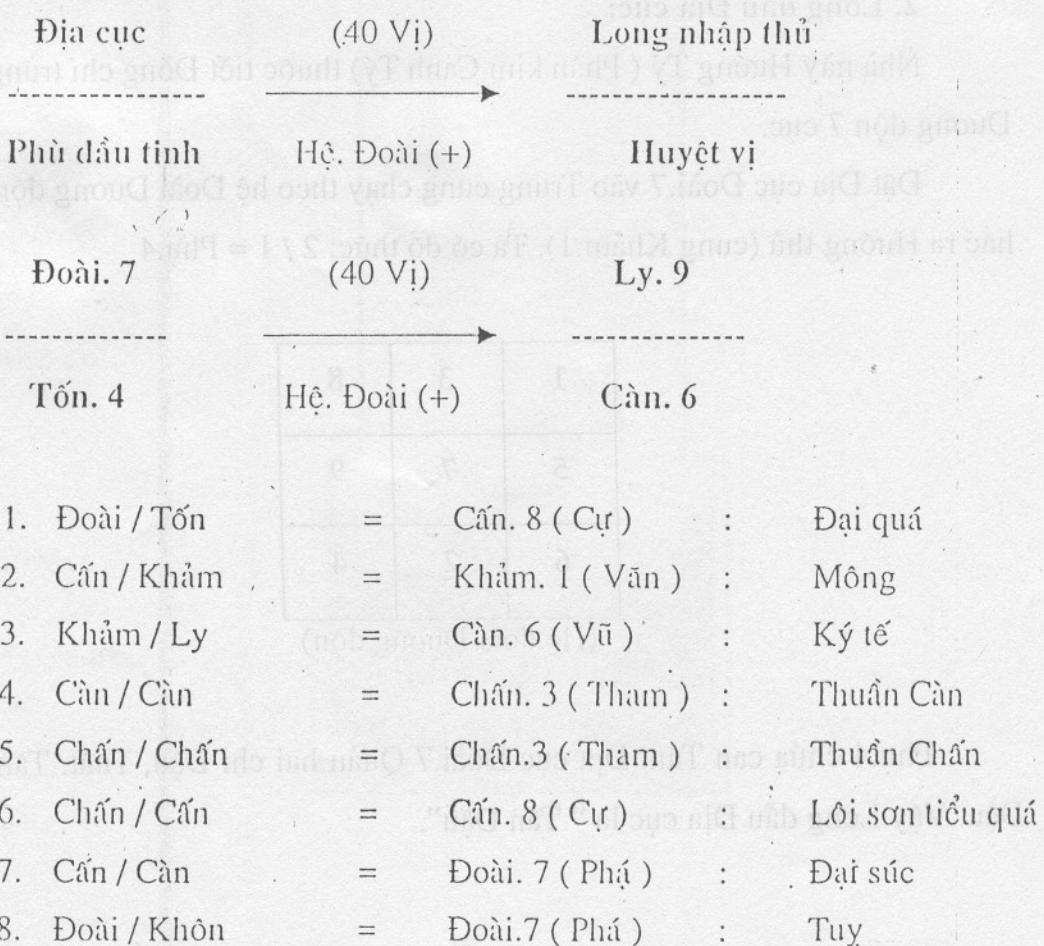
Phụ.4 chứa can Tân. Địa cục Đoài.7 Quản hai chi Dậu, Tuất. Tân âm lấy Dậu. Vậy Long đầu Địa cục là “Tân Dậu”.

3. Lập Phương trình Địa quái:

Phương trình 1: Phương trình diểm huyệt.



Phương trình 2: Phương trình hành Long.

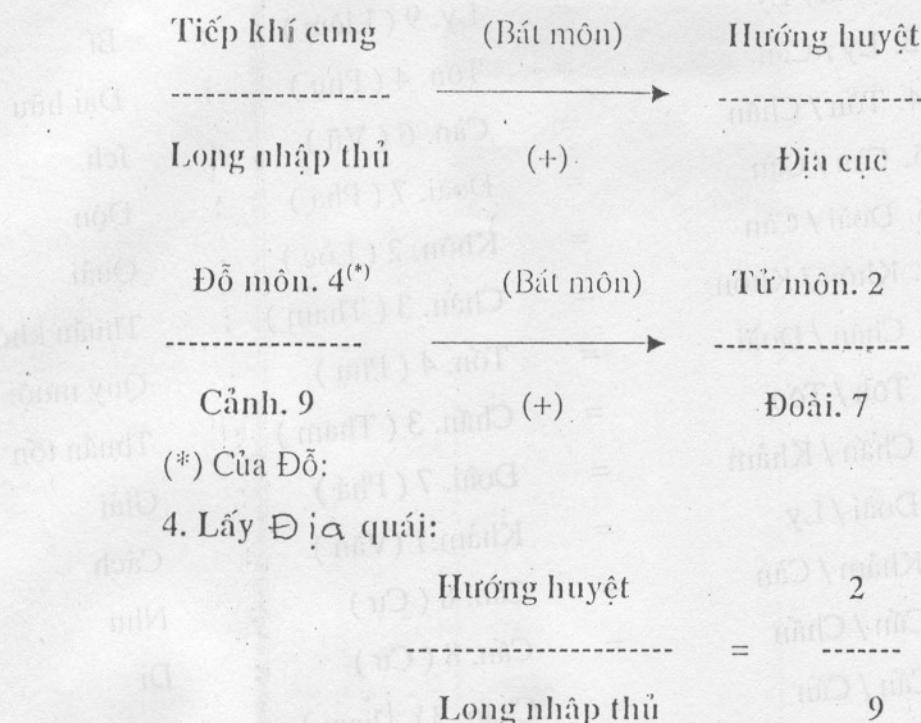


9. Đoài / Đoài	=	Chấn.3 (Tham)	:	Thuần doiài
10. Chấn / Tốn	=	Càn. 6 (Vũ)	:	Hăng
11. Càn / Khảm	=	Cán. 8 (Cự)	:	Túc
12. Cấn / Ly	=	Lý. 9 (Liêm)	:	Bí
13. Ly / Càn	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Đại hữu
14. Tốn / Chấn	=	Càn. 6 (Vũ)	:	Ích
15. Càn / Cấn	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Độn
16. Đoài / Càn	=	Khôn. 2 (Lộc)	:	Quái
17. Khôn / Khôn	=	Chấn. 3 (Tham)	:	Thuần khôn
18. Chấn / Đoài	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Quy muội
19. Tốn / Tốn	=	Chấn. 3 (Tham)	:	Thuần tốn
20. Chấn / Khảm	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Giải
21. Đoài / Ly	=	Khảm. 1 (Văn)	:	Cách
22. Khảm / Càn	=	Cán. 8 (Cự)	:	Nhu
23. Cấn / Chấn	=	Cán. 8 (Cự)	:	Di
24. Cấn / Cấn	=	Chấn. 3 (Tham)	:	Thuần cấn
25. Chấn / Càn	=	Khảm. 1 (Văn)	:	Đại tráng
26. Khảm / Khôn	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Tí
27. Tốn / Đoài	=	Cán. 8 (Cự)	:	Trung phù
28. Cấn / Tốn	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Cổ
29. Tốn / Khảm	=	Khôn. 2 (Lộc)	:	Hoán
30. Khôn / Ly	=	Cán. 8 (Cự)	:	Minh di
31. Cấn / Càn	=	Đoài. 7 (Phá)	:	Đại súc
32. Đoài / Chấn	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Tuỳ
33. Tốn / Cấn	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Tiệm
34. Tốn / Càn	=	Lý. 9 (Liêm)	:	Tiểu súc
35. Lý / Khôn	=	Cán. 8 (Cự)	:	Tán
36. Cấn / Đoài	=	Càn. 6 (Vũ)	:	Tổn
37. Càn / Tốn	=	Lý. 9 (Liêm)	:	Cấu
38. Lý / Khảm	=	Càn. 6 (Vũ)	:	Vị tể
39. Càn / Lý	=	Tốn. 4 (Phụ)	:	Đồng nhân

40. Tốn / Càn = Ly. 9 (Liêm) : Tiểu súc.

Vậy Long nhập thủ là Quỷ Lý 9 thuộc tiết (đốt) 40, Quỷ Tiểu súc.

Phương trình 3: Phương trình lập Hướng.



Quỷ: Địa hoả Minh di. Thuộc cung Khâm, Thể ngồi hào 4 âm. Chủ tinh quản cục: Sao “Cự môn” (Cấn. 8).

5. Lấy Nguyên đường và hào Động:

- Hào nguyên đường: Từ hào thế của quỷ gốc theo nguyên tắc “Tứ, Lục” (4,6) mà lấy hào nguyên đường. Hệ Đoài Dương độn thế hào âm lấy sao Cự môn, bắt đầu từ hào thế thuận chạy theo thứ tự sắp xếp của hệ sao của phép nhất biến hạ vi liêm, mỗi hào 1 sao (Bát tinh) cho tới sao của Niên tinh chủ mệnh (Sao Phá quân) thì dừng lại, rồi vào hào nào hào đó là hào nguyên đường. Cụ thể trong quỷ Minh di này thì hào 4 Quan quỷ Sưu thổ trì Thể lấy sao Cự môn, hào 5 Huynh đệ Hợi thuỷ sao Lộc tồn, hào 6 Phụ mẫu Dậu kim sao Tham lang, hào 1 Tử tôn Mão mộc sao Liêm trinh, hào 2 Quan quỷ Sưu thổ sao Phá quân. Phá quân là sao của mệnh trách chủ, vậy hào 2 Quan quỷ Sưu thổ chính là hào Nguyên đường.

- Hào động: Từ nguyên đường hào 2 Quan quý Sứu thổ coi là chi Tý lại thuận đến chi của năm sinh trạch chủ cũng là Tý. Vậy hào 2 cũng chính là hào Động.

- Quẻ biến: Hào động thì biến, hào biến thì quẻ biến, Quẻ Minh di động hào 2 sẽ biến thành Quẻ Địa Thiên Thái.

II. NHÂN QUÁI

- Xét Nhân quái cho năm Canh Thìn (2000).
- Năm Canh Thìn Niên tinh: Cửu tử – Ly.9
- Cung Khởi nguyên: Đoài. 7

Lưu ý: Cung Khởi nguyên luân luân lấy theo âm dương Phân kim Toạ sơn của ngôi nhà mà không bao giờ thay đổi. Tức lấy theo âm dương cục của phân kim Toạ sơn. Nhà này phân kim Toạ sơn là Bính Ngọ Âm 6 cục, nên cung Khởi nguyên lấy Đoài.

1. Lấy Phù đầu tinh:

Để lấy Phù đầu tinh Nhân quái, áp dụng công thức:

(Niên tinh x Chủ tinh Địa quái x Đại môn)

(Ly.9 x Cấn.8 x Khảm.1)

(Ly.9 x Khảm.1) = Càn.6

Vậy Sao Vũ khúc kim tinh Càn.6 chính là phù đầu tinh của Nhân quái.

1. Lấy Nhân cục.

Vì năm Canh Thìn thuộc về năm dương, nên áp dụng công thức Lấy nhân cục cho năm dương:

(Địa cục x [Khởi nguyên x Niên tinh] x Mệnh chủ)

(Địa cục x A x Mệnh chủ)

(B x Mệnh chủ)

Cụ thể:

(Đoài.7 x [Đoài.7 x Ly.9] x Đoài.7)

(Đoài.7 x Khám. x Đoài.7)

(Ly.9 x Đoài.7) = Khám. I

Vậy Sao Văn khúc Thuỷ tinh Khám.I chính là Nhân cục của năm Canh Thìn.

4/ Lập phương trình nhân quái.

Phương trình nhân quái cũng tương tự như phương trình của thiên địa quái nhưng trong phương trình 1 không chạy thẳng từ Long đầu Canh Thìn tới năm sinh mệnh chủ Mậu Tý mà chạy qua 2 bước:

Bước 1 từ Long đầu Canh Thìn chạy tới phân kim Đại môn Canh Tý (21 vị).

Bước 2 lại tiếp tục chạy từ phân kim của Đại môn Canh Tý đến Năm sinh của Mệnh chủ Mậu Tý (48 vị).

Hệ quỹ đạo chuyển động của phương trình 1 và phương trình 2 theo quỹ đạo của Sao chủ quản Quẻ Địa quái, Cử môn Cấn.8, phần âm dương chạy thuận nghịch đều theo âm dương của năm Tiểu vân, năm âm chạy nghịch năm dương chạy thuận.

Vậy Quỹ đạo chuyển động của Phương trình Nhân quái năm Canh Thìn (2000) (năm dương) là Hệ Cấn Dương độn.

Phương trình 1: Phương trình điểm huyệt

Long đầu ..Vị Tuổi MC

----- (PKđại môn) -----> -----

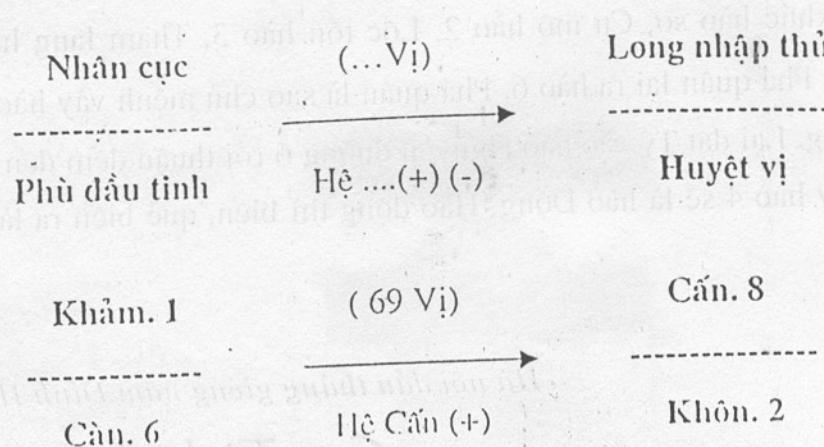
Phù đầu tinh Hè....(+) (-) Huyệt vị

Canh Thìn (69 Vị) Mậu Tý

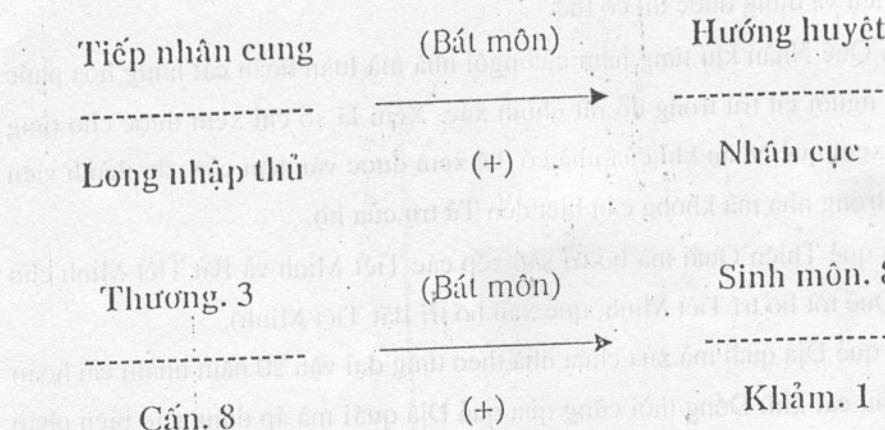
----- (ĐM. Canh Tý) -----> -----

Càn. 6 Hè Cấn (+) Khôn. 2

Phương trình 2: Phương trình hành long



Phương trình 3: Phương trình lập hướng



5/ Lập quẻ.

Lấy Hướng huyệt làm quẻ thượng, Long nhập thủ làm quẻ hạ, chồng lên nhau mà được quẻ Nhân quái

Hướng huyệt

Long nhập thủ

Quẻ: Bát thuần Cấn, Thế ngồi hào 6 dương. Chủ tinh quản cục: Sao “Tham lang” (Chấn.3).

6/ Lấy Nguyên dương, hào Động, quẻ Biển.

Hệ Cấn Dương độn thế hào dương lấy sao Văn khúc. Dặt Văn khúc vào hào Thổ thì Vũ khúc hào sơ, Cự-mô hào 2, Lộc-tồn hào 3, Tham-lang hào 4, Liêm-trinh hào 5, Phá-quân-lại ra hào 6. Phá-quân là sao chủ mệnh vậy hào 6 là hào Nguyên dương. Lại đặt Tý vào hào Nguyên dương 6 rồi thuận dếm đến năm tiểu vận Thìn, vậy hào 4 sẽ là hào Động. Hào động thì biến, quẻ biến ra là quẻ Hoả-sơn-Lữ.

Hà nội đầu tháng giêng năm Dinh Hợi Cao Tử Linh

(Một lời bình luận thiển cận)

Ghi chú: Đây là phương pháp bí truyền của dòng họ Cao. Tuy rất khó nắm bắt nhưng lại mười phần linh diệu. Nếu hiểu và dùng được thì có thể

1. Thông qua Quẻ Nhân khí từng năm của ngôi nhà mà luận đoán cát hung hoạ phúc của những người cư trú trong đó rất chính xác. Xem lá số chỉ xem được cho từng người còn xem quẻ Nhân khí của nhà có thể xem được vận hạn của các thành viên khác nhau trong nhà mà không cần biết đến Tứ trụ của họ.
2. Căn cứ vào quẻ Thiên Quái mà bố trí sắp xếp các Tiết Minh và Bất Tiết Minh cho ngôi nhà (Quẻ tốt bố trí Tiết Minh, quẻ xấu bố trí Bất Tiết Minh).
3. Căn cứ vào quẻ Địa quái mà sửa chữa nhà theo từng đại vận 20 năm nhằm cải hoán hung khí, thu cát khí. Đồng thời cũng qua quẻ Địa quái mà áp dụng các biện pháp kích hoạt hợp lý.

Phép này hết sức tinh tế và hiệu quả nhưng lại tương đối phức tạp và khó tính toán. Nhưng Khoa Địa lý chân chính mà chỉ đơn giản và thô lậu như những gì sách vở đang in ấn và bầy bán đầy trên các hè phố thì liệu nó có thể Hiệu quả thật sự không? Chả nhẽ những Tổ sư Phong thuỷ từ xưa đến nay cũng chỉ có tầm hiểu biết và đơn giản như thế mà nổi tiếng? Cuối cùng thì tất cả đều do sự ứng dụng và hiệu quả thực tế trả lời. Hãy thử áp dụng những tri thức này một cách thật sự một thời gian sau đó ta sẽ nhìn nhận lại những gì những người xung quanh ta đang làm để so sánh. Phương pháp nào dù nói tốt hay xấu, dù đơn giản hay phức tạp thì cũng đều do thực tế áp dụng quyết định sự tồn tại. Nhưng dù sao phương pháp này nếu không đầy công nghiên cứu sẽ không thể dùng được. Đó chính là sự phân biệt giữa một Thầy phong thuỷ địa lý với một người biết về phong thuỷ địa lý!

Cuối cùng dù hiểu được nó hay không cũng xin đừng phụ công người đưa dò vậy!